



mó shù shī
魔术师

noun · magician

Example Sentences

mó shù shī cóng mào zi lǐ biàn chū yī zhī tù zi
魔术师从帽子里变出一只兔子。

The magician pulled a rabbit out of the hat.

nà wèi mó shù shī de biǎo yǎn fēi cháng jīng cǎi
那位魔术师的表演非常精彩。

That magician's performance was very wonderful.

Trace each character, then write the word on your own.

魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔
魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔
魔										
术	术	术	术	术	术	术	术			
师	师	师	师	师	师	师	师	师		